

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ NỘI VỤ

Số: 643/SNV-TCBC

V/v rà soát biên chế công chức, số
lượng người làm việc năm 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 5 năm 2018



Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3350/UBND-TH ngày 27/4/2018 về việc rà soát biên chế công chức, số lượng người làm việc năm 2018 (văn bản UBND tỉnh đã gửi các cơ quan).

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị nội dung phục vụ kỳ họp thứ 6 HĐND tỉnh khóa IX và báo cáo Bộ Nội vụ về tình hình thực hiện và Kế hoạch biên chế công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP hàng năm theo quy định, Sở Nội vụ kính đề nghị Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp triển khai một số nội dung sau:

1. Các đơn vị xây dựng báo cáo kết quả sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp, hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP năm 2017, quý I/2018 và xây dựng kế hoạch biên chế năm 2019 theo biểu mẫu số 1B, 2B, 3B, 4B (quy định cụ thể tại Thông tư 07/2010/TT-BNV của Bộ Nội vụ).

2. Thời gian báo cáo

Văn bản báo cáo gửi về Sở Nội vụ trước ngày **07/5/2018** và gửi kèm theo bản điện tử và các Phụ lục về Sở Nội vụ qua hòm thư: **phongtcbmdt@noivu.daklak.gov.vn**.

(Phụ lục 1B, 2B, 3B, 4B các đơn vị download tại địa chỉ Trang tin điện tử Sở Nội vụ tỉnh)

Sở Nội vụ trân trọng đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quan tâm, chỉ đạo cơ quan chuyên môn báo cáo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- GD, PGD SNV;
- Lưu: VT, TCBC (U).



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
ĐƠN VỊ.....

BIỂU SỐ 2B
KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNG NĂM TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
(Kèm theo Công văn số: 643/SNV-TCBC, ngày 05/2018 của Sở Nội vụ)

Số TT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Kinh phí hoạt động	Biên chế được giao 2016 theo QĐ của UBND tỉnh				Có mặt đến 31/3/2018				Kế hoạch biên chế năm 2019				Tăng giữa kế hoạch biên chế năm 2019 so với BC được giao năm 2017			
					Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế viên chức	Hợp đồng theo ND 68	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo ND 68	Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế viên chức	Hợp đồng theo ND 68	Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế viên chức	Hợp đồng theo ND 68
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>15</i>	<i>16</i>	<i>17</i>	<i>18</i>	<i>19</i>	<i>20</i>
	Tổng cộng																			
I	Giáo dục - Đào tạo																			
1	<i>Cao đẳng chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề</i>																			
2	<i>Trung học chuyên nghiệp, Trung học nghề</i>																			
3	<i>Trung tâm GDTX, TT Dạy nghề</i>																			
5	<i>Cơ sở GD có tên gọi khác</i>																			
6	<i>Giáo dục phổ thông</i>																			
b)	<i>Trường Trung học cơ sở</i>																			
7	<i>Giáo dục Mầm non</i>																			
II	Y TẾ																			
1	<i>Tuyển tỉnh</i>																			
2	<i>Tuyển huyện</i>																			
3	<i>Tuyển xã</i>																			
III	Văn hóa, Thể thao																			
IV	Các đơn vị SN khác																			

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
ĐƠN VỊ.....

BIỂU SỐ 4B
KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNG NĂM TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
(Kèm theo Công văn số: 643/SNV-TCBC, ngày 28/5/2018 của Sở Nội vụ)

Số T T	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp	Kinh phí hoạt động	Biên chế được giao năm 2017 (của UBND tỉnh giao)				Có mặt đến 31/3/2018 (chỉ tính số biên chế đã tuyển dụng)				Biên chế chưa thực hiện năm 2017			
					Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế viên chức	Hợp đồng theo NĐ 68	Tổng số	Công chức	Viên chức	Hợp đồng theo NĐ 68	Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế viên chức	Hợp đồng theo NĐ 68
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>17</i>	<i>18</i>	<i>19</i>	<i>20</i>
	Tổng cộng															
I	Giáo dục - Đào tạo															
<i>1</i>	<i>Cao đẳng chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề</i>															
<i>2</i>	<i>Trung học chuyên nghiệp, Trung học nghề</i>															
<i>3</i>	<i>Trung tâm GDTX, TT Dạy nghề</i>															
<i>5</i>	<i>Cơ sở GD có tên gọi khác</i>															
<i>6</i>	<i>Giáo dục phổ thông</i>															
<i>b)</i>	<i>Trường Trung học cơ sở</i>															
<i>7</i>	<i>Giáo dục Mầm non</i>															
II	Y TẾ															
<i>1</i>	<i>Tuyển tỉnh</i>															
<i>2</i>	<i>Tuyển huyện</i>															
<i>3</i>	<i>Tuyển xã</i>															
III	Văn hóa, Thể thao															
IV	Các đơn vị SN khác															

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BIỂU SỐ 1B

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNG NĂM TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Công văn số: ~~643~~/SNV-TCBC, ngày 03/5/2018 của Sở Nội vụ)

Số TT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Biên chế được giao 2017 theo QĐ của UBND tỉnh				Biên chế có mặt đến 31/3/2018 (đã tuyển dụng)				Kế hoạch biên chế năm 2019				Tăng giảm giữa kế hoạch BC năm 2019 so với BC được giao năm 2017			
			Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo Nghị định số 68	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
	1	2	3 =4+5+6	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13+14	12	13	14	15=16+17+18	16	17	18
	Tổng cộng (A+B)																	
A	CẤP TỈNH																	
I	Lãnh đạo tỉnh																	
	TT HĐND tỉnh																	
	TT UBND tỉnh																	
II	HĐND tỉnh																	
1	Lãnh đạo VP HĐND																	
2	Lãnh đạo các ban của HĐND																	
3	Phòng Công tác HĐND																	
III	Văn phòng UBND tỉnh																	
1	Lãnh đạo VPUBND tỉnh																	
2	Phòng Tổng hợp																	
IV	Sở A và tương đương																	
1	Khối Văn phòng Sở																	
	Lãnh đạo Sở																	
	Văn phòng																	
	Thanh tra																	
	Phòng 1																	
																		
....	Phòng n																	
2	Khối Chi cục và tương đương																	

Số TT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Biên chế được giao 2017 theo QĐ của UBND tỉnh				Biên chế có mặt đến 31/3/2018 (đã tuyển dụng)				Kế hoạch biên chế năm 2019				Tăng giảm giữa kế hoạch BC năm 2019 so với BC được giao năm 2017			
			Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000 /NĐ-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000 /NĐ-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo Nghị định số 68	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000 /NĐ-CP
-	Lãnh đạo Chi cục																	
-	Phòng 1																	
-	Phòng ...																	
B	CẤP HUYỆN																	
I	HUYỆN A																	
1	Lãnh đạo HĐND (Chủ tịch, PCT)																	
2	Lãnh UBND huyện																	
2	Văn phòng HĐND và UBND																	
3	Phòng Nội vụ																	
																		
.....	Phòng.....																	

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
ĐƠN VỊ.....

BIỂU SỐ 3B

THỐNG KÊ, TỔNG HỢP SỐ LIỆU BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HIỆN CÓ TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Công văn số: ~~643~~ /SNV-TCBC, ngày 03/ 5/2018 của Sở Nội vụ)

Số TT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Biên chế được giao 2017 theo QĐ của UBND tỉnh				Biên chế có mặt đến 31/12/2017 (đã tuyển dụng)				Biên chế chưa thực hiện năm 2017			
			Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo NĐ 68/2000 /NĐ-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo NĐ 68/2000 /NĐ-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo NĐ 68/2000 /NĐ-CP
	1	2	3=4+5+6+7	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13+14	12	13	14
	Tổng cộng													
A	CẤP TỈNH													
I	Lãnh đạo tỉnh													
	TT HĐND tỉnh													
	TT UBND tỉnh													
II	HĐND tỉnh													
1	Lãnh đạo VP HĐND													
2	Lãnh đạo các ban của HĐND													
3	Phòng Công tác HĐND													
III	Văn phòng UBND tỉnh													
1	Lãnh đạo VPUBND tỉnh													
2	Phòng Tổng hợp													
IV	Sở A và tương đương													
1	Khối Văn phòng Sở													
	Lãnh đạo Sở													
	Văn phòng													
	Thanh tra													

Số TT	Tên đơn vị	Tên cơ quan quyết định thành lập	Biên chế được giao 2017 theo QĐ của UBND tỉnh				Biên chế có mặt đến 31/12/2017 (đã tuyển dụng)				Biên chế chưa thực hiện năm 2017			
			Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP	Tổng số	Biên chế công chức theo chức vụ lãnh đạo	Biên chế công chức theo chức danh chuyên môn	Hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP
	Phòng 1													
														
....	Phòng n													
2	Khối Chi cục và tương đương													
-	Lãnh đạo Chi cục													
-	Phòng 1													
-	Phòng ...													
B	CẤP HUYỆN													
I	HUYỆN A													
1	Lãnh đạo HĐND (Chủ tịch, PCT và lãnh đạo chuyên trách các Ban thuộc HĐND)													
2	Lãnh UBND huyện													
2	Văn phòng HĐND và UBND													
3	Phòng Nội vụ													
														
....	Phòng.....													

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ